

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định cụ thể một số nội dung tại Nghị định số 102/2024/NĐ-CP
ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định
chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 102 Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 146, Điều 147, Điều 148, Điều 149 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 44, khoản 45, khoản 46, khoản 47 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ khoản 7 Điều 43, khoản 2 Điều 45, khoản 2 Điều 46, khoản 4 Điều 47, khoản 4 Điều 53, khoản 3 Điều 59 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 22/TTr-STNMT ngày 06 tháng 02 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai (sau đây gọi tắt là Nghị định số 102/2024/NĐ-CP) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, gồm:

1. Khoản 7 Điều 43 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP về trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn.

2. Khoản 2 Điều 45 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP về thời gian thực hiện thủ tục điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

3. Khoản 2 Điều 46 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP về tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác.

4. Khoản 4 Điều 47 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP về rà soát, công bố công khai, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý.

5. Khoản 4 Điều 53 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP về điều kiện, trình tự, thủ tục thẩm định để giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất cho cá nhân.

6. Khoản 3 Điều 59 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP về điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách diện tích đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý thành dự án độc lập để giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án độc lập thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai tại tỉnh Tuyên Quang.

2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai; người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với đất được giao quản lý theo quy định tại Điều 7 Luật Đất đai;

3. Tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn do Nhà nước giao cho Tổ chức phát triển quỹ đất quản lý theo quy định tại khoản 7 Điều 43 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP

1. Trung tâm phát triển quỹ đất thực hiện công bố công khai danh mục các khu đất, thửa đất có khả năng khai thác ngắn hạn trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất và của Trung tâm phát triển quỹ đất để lựa chọn tổ chức, cá nhân có đơn xin thuê đất và có đề xuất đơn giá thuê cao nhất trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày công bố.

Nội dung đăng tải công khai gồm: Thông tin về địa chỉ, diện tích của khu đất, thửa đất; mục đích sử dụng; thời hạn thuê đất; đơn giá khởi điểm cho thuê đất ... và có bản đồ trích lục hoặc trích đo địa chính khu đất kèm theo.

2. Trong thời hạn không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc công bố công khai danh mục các khu đất, thửa đất có khả năng khai thác ngắn hạn nêu tại khoản 1 Điều này, Trung tâm phát triển quỹ đất tổ chức lựa chọn tổ chức, cá nhân được thuê đất.

3. Tổ chức, cá nhân được lựa chọn thuê đất phải có Đơn xin thuê đất theo Mẫu số 2b ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP và có đề xuất đơn giá thuê đất cao nhất.

4. Trung tâm phát triển quỹ đất thực hiện công khai kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất và của Trung tâm phát triển quỹ đất. Thời gian thực hiện công khai là 15 ngày.

5. Kết thúc thời gian công khai nêu tại khoản 4 Điều này, Trung tâm phát triển quỹ đất và tổ chức, cá nhân được lựa chọn thuê đất tiến hành thương thảo hợp đồng thuê đất. Biên bản thương thảo hợp đồng thuê đất phải thể hiện mục tiêu đầu tư, dự kiến công trình xây dựng trên đất; khoản tiền đặt cọc đối với trách nhiệm tháo dỡ công trình; cam kết của bên thuê đất về việc sử dụng đất đúng mục đích theo mục tiêu đầu tư, không xây dựng các công trình kiên cố, tự nguyện tháo dỡ công trình, tài sản gắn liền với đất, cây cối, hoa màu khi được Tổ chức phát triển quỹ đất thông báo và không yêu cầu bồi thường về đất, tài sản và chi phí đầu tư vào đất.

6. Tổ chức, cá nhân được lựa chọn thuê đất thực hiện nộp khoản tiền đặt cọc đối với trách nhiệm tháo dỡ công trình theo Biên bản thương thảo hợp đồng thuê đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất trong thời gian 10 ngày kể từ ngày kết thúc công khai để quản lý theo quy định của pháp luật.

Hết thời hạn nêu trên, tổ chức, cá nhân không thực hiện nộp tiền đặt cọc đối với trách nhiệm tháo dỡ công trình thì Trung tâm phát triển quỹ đất hủy kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê đất.

Sau khi tổ chức, cá nhân được lựa chọn thuê đất nộp khoản tiền đặt cọc đối với trách nhiệm tháo dỡ công trình, trong thời gian 03 ngày Trung tâm phát triển quỹ đất ký Hợp đồng cho thuê đất theo Mẫu số 5a ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP đối với tổ chức, cá nhân được lựa chọn.

Điều 4. Thời gian thực hiện thủ tục điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP

Thời gian thực hiện thủ tục điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 45 của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP là không quá 10 ngày.

Điều 5. Tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP

1. Có phương án trồng rừng thay thế hoặc văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.
2. Có phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định của pháp luật về trồng trọt.
3. Có đánh giá sơ bộ tác động môi trường hoặc đánh giá tác động môi trường hoặc Giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường cấp xã theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 6. Việc rà soát, công bố công khai, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 47 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP

1. Rà soát và lập danh mục thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý

Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch và chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thành việc rà soát, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP và thông tin các thửa đất tiếp giáp với thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt; tổng hợp theo Biểu mẫu số 01 kèm theo Quyết định này.

Trường hợp thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt chưa được lập bản đồ hoặc chưa thể hiện trong hồ sơ địa chính thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đo đạc lập bản trích đo hiện trạng, xác định diện tích thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và ranh giới với các thửa đất tiếp giáp.

2. Đề xuất phương án sử dụng thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý

a) Căn cứ kết quả rà soát tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã đề xuất phương án sử dụng thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt đảm bảo nguyên tắc theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, tổng hợp theo Biểu mẫu số 02 kèm theo Quyết định này gửi đến Phòng Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 4 hằng năm để tổ chức thẩm định.

b) Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại điểm a khoản này, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định; gửi kết quả thẩm định bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã để hoàn thiện phương án.

c) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện phương án sử dụng thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt để công khai, lấy ý kiến nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Công khai, lấy ý kiến nhân dân về danh mục và phương án sử dụng thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý

a) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện niêm yết công khai danh mục và phương án sử dụng các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu, điểm dân cư nơi có đất; thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo niêm yết công khai trên trang (cổng) thông tin điện tử của cấp huyện (nơi có đất) để lấy ý kiến nhân dân.

b) Thời gian niêm yết công khai, lấy ý kiến nhân dân là 15 ngày.

Trong thời gian niêm yết công khai, Ủy ban nhân dân cấp xã phải cử cán bộ tiếp nhận ý kiến phản ánh (bằng văn bản, trực tiếp, qua điện thoại, qua trang thông tin điện tử...) của tổ chức, cá nhân.

c) Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc niêm yết, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện:

Lập biên bản kết thúc việc niêm yết, công khai, lấy ý kiến nhân dân; tổng hợp bằng văn bản ghi rõ số lượng ý kiến không đồng ý, ý kiến khác.

Giải quyết kiến nghị liên quan theo thẩm quyền (nếu có).

Hoàn thiện phương án theo Biểu mẫu số 02 kèm theo Quyết định này, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Phê duyệt danh mục và phương án sử dụng thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt; công bố công khai và thực hiện phương án sử dụng thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý

a) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phê duyệt danh mục và phương án sử dụng thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt; chuyển đến Ủy ban nhân dân cấp xã để công bố, công khai.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã công bố, niêm yết, công khai danh mục, phương án sử dụng thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nhà văn hóa thôn, xóm, bản, tổ dân phố hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng nơi có đất và thông báo trên phương tiện truyền thanh của cấp xã, khu, điểm dân cư nơi có thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt. Thời gian niêm yết công khai là 15 ngày.

c) Tổ chức thực hiện phương án được duyệt

Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp vào kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm căn cứ giao đất, cho thuê đất; công khai quyết định giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Điều kiện, trình tự, thủ tục thẩm định để giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất cho cá nhân theo quy định tại khoản 4 Điều 53 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP

1. Điều kiện chung

Cá nhân là người thành niên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật dân sự được giao đất ở để đáp ứng nhu cầu về đất ở, nhà ở của bản thân, vợ, chồng, bố, mẹ và con chưa đủ tuổi thành niên trong thời gian công tác, thường trú tại địa bàn cấp xã nơi đề nghị giao đất.

2. Điều kiện cụ thể

a) Cá nhân là đối tượng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 124 Luật Đất đai phải được cơ quan đang công tác xác nhận về địa điểm, thời gian công tác tại cơ quan trên địa bàn cấp huyện nơi xin giao đất.

b) Cá nhân là đối tượng theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 124 Luật Đất đai phải được cơ quan đăng ký cư trú xác nhận đang thường trú và thời gian thường trú tại xã nơi xin giao đất.

c) Cá nhân là đối tượng theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 124 Luật Đất đai phải được cơ quan đăng ký cư trú xác nhận đang thường trú và thời gian thường trú tại thị trấn nơi xin giao đất.

3. Trình tự, thủ tục thẩm định, giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất cho cá nhân

a) Hội đồng xét duyệt cá nhân đủ điều kiện giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất

Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp hồ sơ xin giao đất, Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng xét duyệt giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày thành lập Hội đồng xét duyệt, Hội đồng có trách nhiệm tổ chức họp để xét duyệt hồ sơ của cá nhân xin giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất theo các điều kiện thuộc phạm vi cấp xã.

Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày họp xét duyệt hồ sơ, Chủ tịch Hội đồng xét duyệt giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất thông báo kết quả xét duyệt hồ sơ của cá nhân xin giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất. Thời gian thông báo kết quả được niêm yết công khai tại trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã, Nhà văn hoá thôn, bản, tổ dân phố trong thời gian 15 ngày.

b) Thẩm định hồ sơ giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất đối với từng cá nhân

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc công khai, Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất, hồ sơ gồm: Tờ trình đề nghị thẩm định hồ sơ xin giao đất không đấu giá của Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện; Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng xét duyệt giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất; Biên bản họp của Hội đồng để xét duyệt hồ sơ của cá nhân xin giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất; Thông báo kết quả xét duyệt hồ sơ của cá nhân xin giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất; Biên bản công khai và Biên bản kết thúc công khai Thông báo kết quả xét duyệt hồ sơ; hồ sơ xin giao đất ở của cá nhân.

Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi văn bản đến Ủy ban nhân dân cùng cấp trên địa bàn tỉnh để xác minh thông tin cá nhân không có đất ở, chưa được Nhà nước giao đất ở, chưa được giao nhà ở, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở trên địa bàn tỉnh; chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn có liên quan, Công an cấp huyện và Văn phòng Đăng ký đất đai thẩm định hồ sơ giao đất đối với từng cá nhân.

Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày có văn bản: Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cung cấp thông tin bằng văn bản theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất; các cơ quan, tổ chức theo chức năng nhiệm vụ thẩm định hồ sơ, gửi kết quả về Phòng Tài nguyên và Môi trường để tổ chức họp thẩm định trong trường hợp cần thiết.

- Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ các ý kiến, Phòng Tài nguyên và Môi trường lập báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện và gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo báo cáo kết quả thẩm định của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét quyết định; thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không quá 05 ngày.

Điều 8. Điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách diện tích đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý thành dự án độc lập để giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án độc lập thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 59 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP

1. Điều kiện, tiêu chí để tách diện tích đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý thành dự án độc lập

a) Phù hợp với quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

b) Có ít nhất một mặt tiếp giáp với đường giao thông hiện trạng hoặc đường giao thông đã được quy hoạch, có khả năng kết nối với giao thông và hạ tầng kỹ thuật trong khu vực.

c) Các thửa đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý phải nằm liền kề nhau, không bị chia cắt bởi các thửa đất khác.

2. Trường hợp khu đất đáp ứng điều kiện, tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này phải đảm bảo yêu cầu về tỷ lệ diện tích như sau:

a) Đối với địa bàn phường, thị trấn: Tỷ lệ diện tích đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý từ 75% trở lên trên tổng diện tích đất đề nghị thực hiện dự án đầu tư.

b) Đối với địa bàn xã: Tỷ lệ diện tích đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý từ 90% trở lên trên tổng diện tích đất đề nghị thực hiện dự án đầu tư.

Điều 9. Quy định chuyển tiếp

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ xin giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước quản lý kể từ ngày 01/8/2024 đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có quyết định giao đất, cho thuê đất thì tiếp tục thực hiện việc giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai năm 2024 và quy định tại Quyết định này.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 02 năm 2025.

2. Bãi bỏ các Quyết định sau đây:

a) Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định cụ thể một số nội dung tại Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

b) Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định cụ thể một số nội dung tại Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ
- Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Thường trực Tỉnh ủy
- Thường trực HĐND tỉnh
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBMTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Như khoản 3 Điều 10;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh
- Cơ sở dữ liệu VBQPPL tỉnh
- Công báo tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, (Chính).

(báo cáo);

(đăng tải);

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Tuấn